TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01**/2018/HNGĐ - ST
Ngày 03/01/2018
V/v:"***Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hiệp**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Giáp Hà Tĩnh;**

2. Bà **Đinh Thị Nguyệt.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Phương**, là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L: Ông **Nguyễn Ngọc Thắng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Thuận. Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2017/TLST- HNGĐ, ngày 04/10/2017, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện L, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Trần Ngọc Q, sinh năm 1982. Có mặt.

Cùng trú tại: Tổ 2, khu phố L, thị trấn T, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản tự khai, biên bản không hòa giải được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L tại phiên tòa hôm nay, thì:

Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Ngọc Q tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Chị và anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T vào năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu

thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh chị không tin tưởng nhau trong cuộc sống. Những lần xảy ra mâu thuẫn, chị và anh Q thường hay cãi vã, to tiếng với nhau và nhiều lần anh Q còn đánh chị L. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài đến năm 2016 bắt đầu trở nên trầm trọng. Do đó chị L đã gửi đơn yêu cầu ly hôn anh Q đến Tòa án nhân dân huyện L. Do anh Q xin cơ hội để thay đổi, vợ chồng chung sống nuôi dạy con nên chị đã rút đơn quay về chung sống với anh Q. Nhưng sau đó, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L vẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng hơn, anh Q đánh chị L rất nhiều lần nên từ tháng 9 năm 2017, chị L đã phải về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian này, anh chị không còn quan tâm đến nhau, thỉnh thoảng liên lạc vì con.

Hiện tại, chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị không có hạnh phúc, chị không thể quay về chung sống với anh Q được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để chị yên tâm làm ăn nuôi con.

Về con chung: Chị và anh Q sinh được 01 người con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 29/03/2010. Hiện nay cháu K đang ở với chị. Nếu ly hôn chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc con cho đến khi thành niên và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con K đủ 18 năm tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bị đơn anh Trần Ngọc Q tại phiên tòa hôm nay, thì:

Anh và chị L tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T vào năm 2007. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là vì vấn đề kinh tế, vợ chồng không tôn trọng nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Những lần nói chuyện về tiền bạc thì chị L không tôn trọng anh nên anh có đánh chị L. Hiện nay, chị L đã bỏ về nhà ngoại ở cho đến nay khoảng hơn 02 tháng. Tuy nhiên, chị L yêu cầu ly hôn thì anh Q không đồng ý vì anh còn tình cảm với chị L.

Về con chung: Anh, chị có 01 người con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 29/03/2010. Hiện nay con K đang ở với mẹ nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà với anh. Nếu ly hôn anh cho rằng ai nuôi con cũng được, nếu anh nuôi con thì anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Trường hợp chị L nuôi con thì anh Q không đồng ý cấp dưỡng. Khi nào chị L có nhà riêng đưa con về ở, không ở chung với ông bà ngoại thì anh sẽ đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị L.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải để anh Q và chị L về đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án

của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, cho rằng; Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biển ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 203, 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Ngọc Q.

* *Về con chung:* Giao con Trần Minh K, sinh ngày 29/3/2010 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh Trần Ngọc Q phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ 01 tháng cho đến khi con K thành niên và được Q thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

* *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Anh Trần Ngọc Q phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Ngọc Q kết hôn vào năm 2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào năm 2007 theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân của chị L và anh Q là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn, vợ chồng chị L và anh Q chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Q và chị L không tin tưởng nhau về vấn đề kinh tế, tài chính gia đình. Vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, khi xảy ra mâu thuẫn không biết cách giải quyết mà dùng những lời nói không tôn trọng nhau nên dẫn đến anh Q đánh đập chị L. Từ tháng 9 năm 2017, chị L về nhà mẹ ruột sống và ly thân với anh Q cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q cho rằng anh không đồng ý ly hôn nhưng anh không có động thái nào chứng tỏ anh còn tha thiết bảo vệ hôn nhân này. Trong thời gian hôn nhân, anh Q và chị L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tôn trọng nhau. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không thể hàn gắn lại được. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị L cương quyết ly hôn với anh Q.

Hội đồng xét xử xét thấy; hôn nhân giữa chị L và anh Q mâu thuẫn thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

[2] Về con chung: Các bên đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống chị L và anh Q có được 01 người con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 29/3/2010. Nguyện vọng của chị L là được trực tiếp nuôi dưỡng con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2017, anh Q trình bày ai nuôi con cũng được nhưng sau đó anh Q thay đổi lời khai và có nguyện vọng được nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, Q của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào Q lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Thấy rằng; theo nguyện vọng của con Trần Minh K tại biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2017 thì con K có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, giao con Trần Minh K cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa hôm nay, chị L yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con K 1.000.000đ/ tháng cho đến khi con thành niên. Xét thấy, anh Q là người không trực tiếp nuôi con, bản thân anh Q có khả năng lao động và có việc làm ổn định tạo thu nhập. Do đó, chị L yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con K đủ 18 tuổi là phù hợp với khả năng kinh tế của anh Q và phù hợp với quy định khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14.

Theo ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 146, 147, 203, 207 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Ngọc Q.

2. Về con chung:

- Chị Nguyễn Thị L được Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Trần Minh K, sinh ngày 29/3/2010.

- Anh Trần Ngọc Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Minh K mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), kể từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi con K tròn 18 năm tuổi. Anh Q có Q, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Ngọc Q còn chậm trả số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh Q còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, theo biên lai số: 0012147 ngày 04 tháng 10 năm 2017, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Ngọc Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, để sung Công quỹ Nhà nước.

4. Về Q kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết, có Q kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (*ngày 03/01/2018*), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có Q thỏa thuận thi hành án dân sự, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện L;
- UBND thị trấn T;
- Lưu HS, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiệp